

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày: 21-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Quang Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/9/1983, tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khi phạm tội: Làng K, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Bùi Quang Y (đã chết) và bà Đỗ Thị T2; Bị cáo có vợ tên là Lương Thị N và 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Ông Rơ Lan T; Sinh năm: 1960; Địa chỉ nơi cư trú: Làng B, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lương Thị N; Sinh năm: 1990; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh V; Sinh năm: 1987; Địa chỉ nơi cư trú: Làng B, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn T1; Sinh năm: 1968; Địa chỉ nơi cư trú: Làng L, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 09/02/2007, bị cáo Bùi Quang Đ đi ăn tất niên tại nhà anh Phan Cao H ở làng B, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai cùng với Nguyễn Thanh V, Hoàng Văn T1, Hồ Ánh V, Trần Tuấn A, Phạm Đức K và một số người khác. Sau khi ăn xong thì tất cả rủ nhau đi đến nhà anh Hoàng Văn T1 tại làng Lang, xã C, để chơi đánh bài. Trên đường đi, khi đến trước trường học tại làng B, xã C thì thấy có người đang chơi bầu cua nên tất cả đi vào xem, trong lúc đứng xem thì bị cáo Đ rủ V trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài thì V đồng ý. Bị cáo Đ và V đã trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 81K5-6112 của ông Rơ Lan T rồi nổ máy chạy về nhà Hoàng Văn T1. Bị cáo Đ và V nói cho T1 đã lấy trộm được 01 xe mô tô thì T1 nói mang xe đến tiệm sửa xe Trọng Tín ở xã D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nhờ rửa máy và nói K đi cùng nên K cùng Đ đi xe của T1, còn V đi xe trộm cắp được đến quán sửa xe Trọng Tín, còn những người khác ở lại nhà T1 chơi đánh bài. Khi bị cáo Đ, V và K đi đến quán sửa xe thì thấy đóng cửa nên cả ba T1 tục đưa xe về nhà T1. Lúc này V vào chơi đánh bài, còn K và bị cáo Đ mượn cà lê của T1 tháo biển số, búng chắn gió, gương chiếu hậu, mặt nạ của xe mô tô trộm cắp được ra để tránh bị phát hiện. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 10/02/2007 thấy nhiều người đi qua đi lại, sợ bị phát hiện nên T1 nói K và bị cáo Đ mang xe mô tô trộm cắp được đến nhà ông Phùng Trọng D ở xã D, huyện Đ gửi nên K và bị cáo Đ mang xe mô tô trên đến nhà anh D và nói đi chơi về xe bị hết xăng gửi nhờ, thì ông D đồng ý cho gửi, sau đó cả 2 quay về nhà T1. Ngày 10/02/2007, ông T phát hiện xe của mình đang ở nhà ông D nên báo Công an. K và bị cáo Đ đã bỏ trốn. Ngày 13/02/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 19/4/2007 khởi tố bị can và ngày 28/4/2007 quyết định truy nã đối với bị cáo Đ. Đến ngày 14/02/2023, bị cáo Đ đến Công an xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 13/02/2007 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận: trị giá xe mô tô biển số 81K5-6112 là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 05/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Bùi Quang Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Quang Đ từ 05 – 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, còn mẹ già thường xuyên đau ốm phải chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Quang Đ công nhận vào ngày 09/7/2007 đã rủ Nguyễn Thanh V trộm cắp của ông Rơ Lan T 01 chiếc xe mô tô biển số 81K5-6112, được định giá là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn và sau khi biết mình bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G truy nã, đến ngày 14/02/2023 bị cáo đã đến Công an xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đầu thú như Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã nên thời hiệu được tính lại kể từ ngày bị cáo ra đầu thú là ngày 14/02/2023 theo quy định tại Điều 27 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Bùi Quang Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực T1 xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi ra đầu thú cũng đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, quá trình sinh sống tại địa phương cũng đã có nhiều thành tích cống hiến, đóng góp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước tặng “Giấy khen”, gia đình thuộc diện khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét giảm hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo có mẹ già thường xuyên đau ốm phải chăm sóc nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội nhưng nay đã biết ăn năn hối cải.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Thanh V, Hoàng Văn T1, Hồ Ánh V, Trần Tuấn A, Phạm Đức K, Phùng Trọng D, việc xử lý vật chứng, giải quyết dân sự đã được giải quyết tại Bản án số 02/2008/HS-ST ngày 17/01/2008 và Bản án số 19/2011/HS-ST ngày 10/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, tại phiên tòa bị hại, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có yêu cầu gì về việc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Quang Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Quang Đ 04 (bốn) tháng 07 (bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2023 (Bảng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam).

- Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Bùi Quang Đ ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Quang Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2023). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- UBND xã T, H, Bình Phước;;
- TAND tỉnh Gia Lai; Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính